

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 8 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Anh Minh

Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1985; căn cước số: 096085011831 cấp ngày 01/11/2024; địa chỉ: Ấp Xóm Lớn, P, tỉnh C. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần M, sinh năm 1989; CMND: 381585625; địa chỉ: Ấp Lung Dừa, Phường L, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2025 trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T với bà Trần Mộng T chung sống với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã L, thành phố Cà Mau (nay thuộc Phường L), tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, mặc dù mâu thuẫn đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay, ông T xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: Lê Trần Khánh B , sinh ngày 23/5/2010, hiện đang sinh sống cùng ông. Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi trẻ B ; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu.

Về nợ chung: Ông T trình bày không có.

- *Đối với bị đơn bà Trần Mộng T* : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Thúy theo quy định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 22/8/2025 ông T có đơn xin vắng mặt; bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà T .

[2] Về quan hệ hôn nhân. Ông T với bà T kết hôn năm 2009, ông bà đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 theo giấy chứng nhận số 21/2009 tại Ủy ban nhân dân Xã L, thành phố C (nay thuộc Phường L), tỉnh C , hôn nhân ông bà hợp pháp.

Xét ông T yêu cầu ly hôn với bà T . Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ bà T nhiều lần để tham gia hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông T . Ngoài ra, ông T xác định vợ chồng ông bà đã không chung sống cùng nhau nhiều tháng nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Viện dẫn theo điều luật trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa ông T với bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ly hôn với bà T .

[3] Về nuôi con chung: Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi trẻ Lê Trần Khánh B , sinh ngày 23/5/2010. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Viện dẫn theo điều luật trên thấy rằng, tại văn bản ghi nguyện vọng trẻ B ngày 23/7/2025 thể hiện, trẻ B có nguyện vọng ở với ông T . Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của ông T , giao trẻ B cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Trần Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông T trình bày không có.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định: “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, ông T phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Văn T ly hôn với bà Trần Mộng T .

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Lê Trần Khánh B , sinh ngày 23/5/2010 cho ông Lê Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Trần Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011030 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; ông T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Lê Văn T và bà Trần Mộng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cà Mau;
- Đường sự;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân Phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án khu vực 1 – Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

